

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1793 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 53/BQLGMS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và Văn bản số 75/BQLGMS ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mekông tỉnh Tây Ninh về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường Dự án Nhà máy xử lý nước thải đô thị Mộc Bài, giai đoạn 1 có công suất xử lý 3.000 m³/ngày.đêm tại Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài thuộc xã Lợi Thuận và xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5078/TTr-STNMT ngày 03 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh, địa chỉ tại Đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy xử lý nước thải đô thị Mộc Bài, giai đoạn 1 có công suất xử lý 3.000 m³/ngày.đêm, địa chỉ tại Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài thuộc xã Lợi Thuận và xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy xử lý nước thải đô thị Mộc Bài, giai đoạn 1 có công suất xử lý 3.000 m³/ngày.đêm.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài thuộc xã Lợi Thuận và xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến Dự án đầu tư:

- Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 26/12/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu đô thị cửa khẩu Mộc Bài Tây Ninh.

- Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải và mạng lưới đường ống đô thị Mộc Bài, Dự án: Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng Mộc Bài tại tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải và mạng lưới đường ống đô thị Mộc Bài công suất 9.000 m³/ngày.đêm, giai đoạn 1 công suất 3.000 m³/ngày.đêm thuộc dự án phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng tại tỉnh Tây Ninh.

1.4. Mã số thuế: 3900963922-001.

1.5. Loại hình Dự án: dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 5ha.

- Công suất: Nhà máy xử lý nước thải, giai đoạn 1 có công suất xử lý 3.000 m³/ngày.đêm.

- Quy chuẩn thiết kế: đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải với hệ số K = 1.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày .24. tháng .8.. năm 2022 đến ngày 24. tháng .8. năm 2032..).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- BQL GMS;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Bến Cầu;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. p

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1913./GPMT-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Thu gom nước thải sinh hoạt từ Nhà máy giày của Công ty CP Việt Nam Mộc Bài với lưu lượng lớn nhất khoảng 800 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Kênh thủy nông chạy dọc theo TL786 kết nối với hệ thống kênh Gò Suối chảy ra sông Vàm Cỏ Đông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1224661; Y = 575294 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° 30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 800 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý xả ra mương quan trắc tự động liên tục tự chảy ra kênh thủy nông bằng đường cống, kết cấu bê tông cốt thép đi ngầm dưới mặt đất với tổng chiều dài thiết kế 431m.

- Hình thức xả: xả mặt, xả ven bờ kênh thủy nông.

2.3.2. Hình thức xả: xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, với hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	trắc tự động, liên tục
01	pH		5-9	03 tháng/ lần	Đã lắp đặt
02	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		Đã lắp đặt
03	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		Đã lắp đặt

04	BOD5 (20oC)	mg/l	30		
05	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
06	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0		
07	Nitrat (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/l	30		
08	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải về Nhà máy xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ Nhà máy giầy của Công ty CP Việt Nam Mộc Bài được thu gom về Dự án Nhà máy xử lý nước thải đô thị Mộc Bài, giai đoạn 1 có công suất xử lý 3.000 m³/ngày.đêm bằng đường ống PVC về bể tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Dự án Nhà máy xử lý nước thải đô thị Mộc Bài, giai đoạn 1 có công suất xử lý 3.000 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý xả ra kênh thủy nông chạy dọc theo TL786 kết nối với hệ thống kênh Gò Suối chảy ra sông Vàm Cỏ Đông.

Nhà máy xử lý nước thải có quy trình công nghệ như sau: nước thải → bể tiếp nhận → song chắn rác → bể lắng cát → mương oxi hóa → bể lắng 2 → bể khử trùng → mương quan trắc nước thải tự động → hồ ổn định → nguồn tiếp nhận

- Hoá chất sử dụng: Polymer cation, Clo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Vị trí lắp đặt: tại mương đo lưu lượng của Nhà máy xử lý nước thải.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, amoni, Photpho.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Sử dụng hồ ổn định trong quy trình xử lý nước thải làm công trình ứng phó sự cố, hồ ổn định có thể tích 11.258,66 m³, chiều cao 2.3m lót bạt chống thấm HDPE dày 1,5 mm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại hồ ổn định có thể tích 11.258,66 m³ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Nhân viên vận hành sẽ đóng van và tiến hành quay vòng nước thải về ngăn tiếp nhận bằng bơm di động. Khi vận hành bình thường mực nước ở hồ ổn định tương ứng chiều cao chứa nước là 1m, thể tích 4.895,01 m³. Khi sự cố thì mực nước ở hồ ổn định tương ứng chiều cao chứa nước tổng là 2m, tương ứng thể tích tổng là 9.790,142 m³.

- Vận hành hệ thống quan trắc nước the sueai tự động liên tục đã lắp đặt và thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Nhà máy xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó kịp thời sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Ba (03) tháng kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Nhà máy xử lý nước thải có công suất thiết kế 3.000 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào bể tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải công suất 3.000 m³/ngày.đêm.

- Tại đầu mương đo lưu lượng nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải công suất 3.000 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiêu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của Nhà máy xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, với hệ số K = 1,0; bao gồm các thông số: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải);
- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 1 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 1 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ Nhà máy giầy của Công ty CP Việt Nam Mộc Bài để xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, với hệ số K = 1,0 trước khi xả ra môi trường.

3.2. Lập sổ nhật lý vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiêu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1793~~ 1793/GPMT-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải: bể tiếp nhận nước thải, song chắn rác, nhà đặt máy ép bùn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải: tương ứng với dòng khí thải từ bể tiếp nhận nước thải khu vực để song chắn rác, nhà đặt máy ép bùn được thu gom bằng hệ thống thu khí theo các đường ống dẫn riêng biệt về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra 01 ống thoát khí chung, tọa độ vị trí xả thải: X = 1224325; Y = 574936 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°03', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.800 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=1, K_v=0,8) trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	03 tháng/ lần	Không
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để

đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Tại bể tiếp nhận nước thải, song chắn rác: thi công đường ống thu mùi bằng vật liệu HDPE DN500 dài 220m.

- Tại nhà đặt máy ép bùn: thi công đường ống thu mùi bằng vật liệu HDPE DN500 dài 27m và DN300 dài 6m.

- Ống xả khí thải bằng vật liệu composite (FRP) có kích thước DN800 cao 2m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí có mùi được đưa từ dưới lên, ngược dòng với dung dịch hấp thụ. Do bơm định lượng bơm từ bồn pha bơm đưa vào bồn chứa, và sau đó bơm tuần hoàn bơm vào tháp xử lý với nồng độ và liều lượng thích hợp. Khí thải được hấp thụ vào dung dịch và dòng ra được làm sạch. Phản ứng hấp thụ giữa khí thải và dung dịch xảy ra trên bề mặt ướt của đệm theo nguyên tắc phân tách các chất ô nhiễm từ pha khí và pha lỏng. Dung dịch hấp thụ được tuần hoàn và chỉ được thải bỏ sau 1 khoảng thời gian nhất định, tùy vào quá trình thu khí phát sinh của hệ thống. Về cơ bản, quá trình hấp thụ xảy ra tương đối chọn lọc, thường chỉ xử lý 1 đối tượng ô nhiễm nhất định. Quá trình này cho phép dải nồng độ đầu vào cao, cho phép hoạt động liên tục hoặc gián đoạn tùy thuộc vào lưu lượng khí vào.

- Công suất thiết kế: 9.800 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh BioBug WHC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không xả thải, gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Ba (03) tháng kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Một hệ thống xử lý khí thải, công suất 9.800 m³/giờ

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Một (01) vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và tổ hợp mẫu đầu ra).

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường) trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Ban Quản lý dự án phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Tây Ninh hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày ... tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy bơm nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ: X = 105952667; Y = 11282450 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến
trục $105^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy
chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý
nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong Dự án; các máy
móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ
sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá
ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung
bằng cao su đối với các máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm
nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1793/GPMT – UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 02	2
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
Bao bì mềm thải	18 01 01	2
Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	2
Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải	19 05 02	1
Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	1
Thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 05	20
Tổng khối lượng		29

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải tách được từ quá trình xử lý nước thải.	1,5
	Tổng khối lượng	1,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1
	Tổng khối lượng	1

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 24 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng 120 lít, bao bì.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 79,52 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một

số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1792/GPMT – UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.